

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2020

V/v Ly hôn giữa chị Nga và anh Hiệp

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuấn Vũ;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Đình Thị N, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ hiện nay: thôn X, xã Bình N, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị N, anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Đình Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức H đăng ký kết hôn ngày 09/02/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Ngày 22/8/2019, anh H đi làm bình thường nhưng khi bà nội gọi điện thoại cho anh thì anh thú nhận đã bỏ làm 02 tháng. Đến ngày 23/8/2019, thấy anh H vẫn không về nhà nên chị đưa con về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị tại xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Từ đó đến nay, anh H nhiều lần

đến gặp chị, khuyên chị quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không đồng ý vì xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể cùng chung sống được nữa. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/7/2018. Do con chung còn nhỏ nên chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị làm công nhân ở cơ sở gia công Tư Hoa địa chỉ xóm 4 thôn Nam Lâu, xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình mức thu nhập hàng tháng khoảng 4.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, chị N thay đổi yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H, yêu cầu anh cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức H trình bày:

Về thủ tục trình tự đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tuổi còn trẻ, ham mê chơi điện tử, không chú trọng làm việc và chăm sóc gia đình. Sau khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh đã xuống tìm nhiều lần và chị N không về và cũng không cho anh gặp con. Chị N làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị N nhất quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/7/2018. Nếu ly hôn, anh cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng do con còn nhỏ, anh nhường cho chị N nuôi dạy con, hàng tháng anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị N 1.000.000 đồng/tháng. Hiện tại anh làm công nhân công ty may Sơn Hà địa chỉ khu công nghiệp xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình mức thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

Về tài sản: Anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 05/3/2020 xác minh tại UBND xã V có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Đình Thị N và anh Nguyễn Đức H đăng ký kết hôn ngày 09/02/2018 tại UBND xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình nhà chồng tại thôn Đxã V. Trong quá trình sống, cách cư xử của chị N không phù hợp với phận làm dâu nên giữa chị và anh H, gia đình anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị N đã bỏ về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị ở xã B. Về phần anh H, do tuổi còn trẻ, kết hôn sớm nên còn quan tâm đến gia đình chưa tốt. Nay chị N có yêu cầu xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Quan hệ con chung: chị N anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/7/2018. Hiện cháu A đang sống cùng chị N tại xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Đề nghị Tòa án căn cứ vào yêu cầu của các bên và quy định của pháp luật để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung giữa chị N anh H, địa phương được biết anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung.

Biên bản xác minh ngày 11/6/2020 tại gia đình anh Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Văn H (bố đẻ anh H) cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh H đăng ký kết hôn ngày 09/02/2018 tại UBND xã Vũ An, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình ông tại thôn Đ, xã V. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H vẫn còn trẻ, ham chơi, chị Nga cho rằng anh H không quan tâm đến chị. Khoảng từ tháng 7/2019, chị N bỏ về gia đình bố mẹ đẻ chị sinh sống tại thôn X, xã B. Anh H và gia đình ông đã nhiều lần đến gặp chị N, khuyên chị quay về chung sống cùng anh H nhưng chị không đồng ý. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/7/2018. Hiện con chung đang sống cùng chị N.

Về quan hệ tài sản: anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung.

Các văn bản, thông báo, quyết định của Tòa án gửi về anh H đều đã nhận được. Hiện anh H đang làm việc tại công ty may Sơn Hà, thu nhập trung bình 5.000.000-6.000.000 đồng/tháng. Anh H hiện sinh sống tại thôn Đ, xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương ý kiến về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Đình Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đức H; về nuôi con chung: giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/7/2018, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, do các đương sự chưa yêu cầu nên chưa đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Đình Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đức H. Anh H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhưng anh H không đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ nhất, vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ hai anh H có mặt nên Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh H đã đăng ký kết hôn ngày 09/02/2018 tại ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Nga anh Hiệp đều còn trẻ, hai bên chưa thật sự chín chắn. Anh H vẫn ham chơi, chị N cho rằng anh không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 7/2019 đến nay, chị N đưa con chung về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị ở xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình, anh H chị N sống ly thân, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ về kinh tế, tình cảm, không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị Phạm Đình Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

[3] Về nuôi con chung: Chị N, anh H có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/7/2018. Chị N và anh H đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Cháu A đang sống cùng chị N và bố mẹ đẻ chị tại xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Hiện nay chị N làm việc tại cơ sở gia công Tư Hoa, địa chỉ: xóm 4, thôn Nam Lâu, xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, có nơi ở và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Cháu A hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của con chung, cần giao cháu Nguyễn Bảo A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu của chị Nga là chính đáng, mức cấp dưỡng chị yêu cầu phù hợp với tình hình kinh tế của địa phương và phù hợp với mức thu nhập của anh H, hơn nữa anh H cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N 1.000.000 đồng/ tháng nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con

[6] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5; khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Đình Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/7/2018 cho chị Phạm Đình Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con A cùng chị N mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7/2020 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị N, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Đình Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai số 0001491 ngày 23 tháng 12 năm 2020 sang thi hành án phí, chị N đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Đức H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Đình Thị N, anh Nguyễn Đức H có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/6/2020.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu, HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn

